TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **126**/2024/QĐST-HNGĐ	*Sơn Dương, ngày 27 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 39/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 01 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Ma Văn V., sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn*: Chị Ma Thị H., sinh năm 2003.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh **Ma Xuân V.** và chị **Ma Thị H.**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Ma Xuân N, sinh ngày 18/7/2020 và cháu Ma Khánh H, sinh ngày 09/02/2022 cho anh Ma Xuân V. là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Ma Thị H. phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Ma Xuân V. với số tiền cấp dưỡng là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng/02 cháu (mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng) cho đến khi cháu Ma Xuân N. và cháu Ma Khánh H. đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 05 năm 2024. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

Chị Ma Thị H. có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Khoản tiền cấp dưỡng trên, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

***- Về tài sản chung, vay nợ chung*:** Anh Ma Xuân V. và chị Ma Thị H. đều xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

***- Về án phí*:** Anh Ma Xuân V. phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Toà án số: 0001297, ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Ma Xuân V. còn được nhận lại số tiền chênh lệch 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Chị Ma Thị H. phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyên SD;
- Chi cục THADS SD;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Chiến